ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 561 /QĐ-UBND	*Cư Jút, ngày 29 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
V/v công nhận kết quả thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên huyện Cư Jút năm 2018

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Quy chế thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và Nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư 20/2017/TT-BGDĐT ngày 18/8/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 04/7/2017 của UBND tỉnh Đăk Nông ban hành Quy định về phân cấp tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đăk Nông;

Căn cứ Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 19/3/2018 của UBND huyện Cư Jút về việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên các đơn vị trường học huyện Cư Jút năm 2018 đã được Sở Nội vụ tỉnh Đăk Nông thẩm định, thống nhất tại Công văn số 543/SNV-CCVC ngày 17/4/2018, Công văn số 771/SNV-CCVC ngày 22/5/2018 và Công văn số 435/SNV-TCCCVC ngày 21/03/2018);

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi thăng hạng tại Tờ trình số 19/TTr-HĐTTH ngày 21/3/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên huyện Cư Jút năm 2018 với 210 thí sinh, cụ thể như sau:

- Chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng IV lên hạng III: *Phụ lục 01*
- Chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng III lên hạng II: *Phụ lục 02*
- Chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học từ hạng IV lên hạng III: *Phụ lục 03*

- Chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học từ hạng III lên hạng II: *Phụ lục 04*

- Chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS từ hạng III lên hạng II: *Phụ lục 05*

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Nội vụ huyện thông báo kết quả thi đến các cơ quan, đơn vị có viên chức dự thi biết; hướng dẫn thủ tục bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hạng III, II và trình UBND huyện quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức dự thi đã đạt kết quả trong kỳ thi theo quy định hiện hành.

2. Đối với việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên đạt kết quả trong kỳ thi thăng hạng

- Các trường hợp thi đã đạt kết quả và đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện, văn bằng, chứng chỉ đúng theo quy định của tiêu chuẩn chức danh giáo viên hạng II, III: Trình UBND huyện quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp; thời gian bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp được tính kể từ ngày 01/3/2019.

- Các trường hợp thi đã đạt kết quả nhưng còn thiếu chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II, III: Các trường học có trách nhiệm tạo điều kiện để giáo viên đã tham dự kỳ thi hoàn chỉnh chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên trong thời gian **01 năm** kể từ ngày công nhận kết quả thi thăng hạng; sau khi hoàn thiện thì trình UBND huyện (thông qua phòng Nội vụ huyện) quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp theo quy định; thời gian bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp được tính kể từ ký ban hành quyết định. Sau thời gian nêu trên, viên chức không có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên theo quy định thì UBND huyện không bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp và không thực hiện bảo lưu kết quả kỳ thi đã tham dự.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Nội vụ huyện; Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện; Hội đồng thi thăng hạng; Hiệu trưởng các đơn vị trường học; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 19/02/2019 của UBND huyện Cư Jút./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ tỉnh Đăk Nông;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, NV.

CHỦ TỊCH

Người ký: Ủy ban nhân dân huyện Cư Jút
Email: cujut@daknong.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Đắk Nông
Thời gian ký: 02.04.2019 15:59:42 +07:00

Nguyễn Thị Thanh Hà

Người ký: Ủy ban nhân dân huyện Cư Jút
Email: cujut@daknong.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Đắk Nông
Thời gian ký: 02.04.2019 15:59:55 +07:00

PHỤ LỤC 01
KẾT QUẢ THI THĂNG HẠNG GIÁO VIÊN MẦM NON TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II

(Theo Quyết định số: 561/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của UBND huyện)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Đơn vị công tác	Điểm thi các môn				Tổng điểm môn KTC và CN	Kết quả
				Kiến thức chung	Chuyên ngành	Tin học	Tiếng anh		
1	132	Nguyễn Thị Kim Nguyên	Mẫu giáo Đăk Wil	100	100	65	90	**200**	Đạt
2	19	Nguyễn Thị Đón	Mẫu giáo Ea Pô	100	90	85	60	**190**	Đạt
3	37	Huỳnh Thị Hằng	Mẫu giáo EaTling	88	100	85	Miễn	**188**	Đạt
4	184	Nguyễn Thị Toàn	Mẫu giáo Đăk Wil	84	90	70	Miễn	**174**	Đạt
5	155	Phan Thị Sâm	Mẫu giáo Đăk Wil	72	95	70	Miễn	**167**	Đạt
6	85	Trần Thị Hương	Mẫu giáo Đắk Drông	72	90	70	77.5	**162**	Đạt
7	138	Nguyễn Thị Nhung	Mẫu giáo Đăk Wil	68	90	65	85	**158**	Đạt

PHỤ LỤC 02
KẾT QUẢ THI THĂNG HẠNG GIÁO VIÊN MẦM NON
TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III

(Kèm theo Quyết định số: 561 /QĐ-UBND ngày 29/03/2019 của UBND huyện)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Đơn vị công tác	Điểm thi các môn				Tổng điểm môn KTC và CN	Kết quả
				Kiến thức chung	Chuyên ngành	Tin học	Tiếng anh		
1	129	Trần Thị Ngọc	Mầm non Hoa Hồng	100	100	70	Miễn	**200**	Đạt
2	116	Nguyễn Thị Mơ	Mẫu giáo Đắk Drông	100	100	95	Miễn	**200**	Đạt
3	118	Hà Thị Mỵ	Mẫu giáo Tâm Thắng	100	100	70	Miễn	**200**	Đạt
4	70	Phan Thị Hồng	Mẫu giáo Ea Pô	95	100	80	Miễn	**195**	Đạt
5	141	Nông Thị Kim Oanh	Mẫu giáo Đắk Drông	95	95	85	Miễn	**190**	Đạt
6	119	Nông Thị Nấm	Mẫu giáo Đắk Drông	90	95	55	Miễn	**185**	Đạt
7	69	Nguyễn Thị Hồng	Mẫu giáo Đăk Wil	85	100	55	Miễn	**185**	Đạt
8	57	H' Noan Ê Nuôl	Mẫu giáo EaTling	85	100	95	Miễn	**185**	Đạt
9	73	H' Phen Êya	Mẫu giáo EaTling	95	90	75	77.5	**185**	Đạt
10	102	Đào Thị Lan	Mẫu giáo Tâm Thắng	85	100	90	Miễn	**185**	Đạt
11	137	Phạm Thị Nhung	Mẫu giáo Đắk Drông	85	95	90	Miễn	**180**	Đạt
12	88	Nguyễn Thị Hường	Mẫu giáo Đăk Wil	90	90	70	82.5	**180**	Đạt
13	92	Phạm Thị Huyền	Mẫu giáo Họa Mi	90	90	80	Miễn	**180**	Đạt
14	106	Doãn Thị Trúc Linh	Mẫu giáo Nam Dong	80	100	75	Miễn	**180**	Đạt
15	32	Nguyễn Thị Hà	Mầm non Hoa Hồng	75	100	60	Miễn	**175**	Đạt
16	33	Nguyễn Thị Hà	Mầm non Hoa Hồng	75	100	55	Miễn	**175**	Đạt
17	15	Nông Thị Điệp	Mẫu giáo Đăk Wil	80	95	85	57.5	**175**	Đạt
18	110	Vũ Thị Luyến	Mẫu giáo Đăk Wil	85	90	70	Miễn	**175**	Đạt
19	161	Bế Thị Thanh	Mẫu giáo Ea Pô	80	95	80	87.5	**175**	Đạt
20	178	Bùi Thị Thúy	Mẫu giáo Ea Pô	80	95	85	80	**175**	Đạt
21	201	Nguyễn Thị Vân	Mẫu giáo Ea Pô	75	100	100	85	**175**	Đạt
22	60	Lý Thị Hòa	Mẫu giáo EaTling	75	100	90	Miễn	**175**	Đạt
23	209	Bùi Hải Yến	Mẫu giáo EaTling	75	100	85	Miễn	**175**	Đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên	Đơn vị công tác	Điểm thi các môn				Tổng điểm môn KTC và CN	Kết quả
				Kiến thức chung	Chuyên ngành	Tin học	Tiếng anh		
24	125	Nông Thị Ngân	Mẫu giáo Hoa Hướng Dương	90	85	70	70	**175**	Đạt
25	175	Nguyễn Thị Thức	Mẫu giáo Tâm Thắng	75	100	80	Miễn	**175**	Đạt
26	183	Y Tô	Mẫu giáo Tâm Thắng	75	100	80	77.5	**175**	Đạt
27	71	Nguyễn Thị Hồng	Mẫu giáo Trúc Sơn	80	95	60	Miễn	**175**	Đạt
28	149	Trần Thị Phượng	Mầm non Hoa Hồng	80	90	80	Miễn	**170**	Đạt
29	150	Hoàng Thị Phượng	Mầm non Hoa Hồng	70	100	65	Miễn	**170**	Đạt
30	172	Bạch Thị Thu	Mẫu giáo Cư Knia	80	90	65	Miễn	**170**	Đạt
31	34	Lê Huỳnh Kim Hà	Mẫu giáo Đăk Wil	75	95	75	77.5	**170**	Đạt
32	45	Mai Thị Hiên	Mẫu giáo Đăk Wil	70	100	80	78	**170**	Đạt
33	186	Nguyễn Thị Vân Trang	Mẫu giáo EaTling	70	100	80	72.5	**170**	Đạt
34	131	Trần Thị Ngọc	Mẫu giáo Hoa Hướng Dương	90	80	75	70	**170**	Đạt
35	143	Đặng Kim Oanh	Mẫu giáo Hoa Hướng Dương	70	100	85	77.5	**170**	Đạt
36	104	Trần Thị Kim Lê	Mẫu giáo Nam Dong	80	90	85	72.5	**170**	Đạt
37	169	Nguyễn Thị Kim Thoa	Mẫu giáo Tâm Thắng	70	100	80	Miễn	**170**	Đạt
38	210	Phạm Thị Hải Yến	Mẫu giáo Tâm Thắng	75	95	85	80	**170**	Đạt
39	38	Trần Thị Hằng	Mẫu giáo Trúc Sơn	70	100	85	Miễn	**170**	Đạt
40	84	Nguyễn Thị Mai Hương	Mầm non Hoa Hồng	70	95	80	Miễn	**165**	Đạt
41	25	Nông Thị Gấm	Mẫu giáo Đắk Drông	65	100	75	Miễn	**165**	Đạt
42	2	Bùi Thị Bằng	Mẫu giáo Ea Pô	70	95	90	80	**165**	Đạt
43	41	Nguyễn Thị Hạnh	Mẫu giáo Ea Pô	65	100	70	85	**165**	Đạt
44	99	Nguyễn Thị Lan	Mẫu giáo Ea Pô	65	100	75	70	**165**	Đạt
45	153	Lê Thị Quyên	Mẫu giáo Ea Pô	65	100	80	Miễn	**165**	Đạt
46	62	Đỗ Thị Hoàn	Mẫu giáo EaTling	65	100	85	Miễn	**165**	Đạt
47	87	Nguyễn Thị Hương	Mẫu giáo EaTling	75	90	80	Miễn	**165**	Đạt
48	43	H'Duên BKrông	Mẫu giáo Hoa Hướng Dương	65	100	80	75	**165**	Đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên	Đơn vị công tác	Điểm thi các môn				Tổng điểm môn KTC và CN	Kết quả
				Kiến thức chung	Chuyên ngành	Tin học	Tiếng anh		
49	130	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	Mẫu giáo Đắk Drông	65	95	70	Miễn	**160**	Đạt
50	142	Đàm Thúy Oanh	Mẫu giáo Đăk Wil	70	90	55	75	**160**	Đạt
51	86	Nguyễn Thị Hương	Mẫu giáo Ea Pô	65	95	75	70	**160**	Đạt
52	27	Võ Hoàng Giang	Mẫu giáo EaTling	60	100	85	65	**160**	Đạt
53	94	Nguyễn Thị Huyền	Mẫu giáo Tâm Thắng	65	95	60	Miễn	**160**	Đạt
54	101	Trần Thị Tuyết Lan	Mẫu giáo Tâm Thắng	65	95	95	Miễn	**160**	Đạt
55	24	Đỗ Thị Duyên	Mẫu giáo Trúc Sơn	60	100	55	Miễn	**160**	Đạt
56	42	H' Bơn Byă	Mẫu giáo Cư Knia	65	90	75	75	**155**	Đạt
57	53	Lương Thị Thu Hiền	Mẫu giáo Đăk Wil	60	95	80	80	**155**	Đạt
58	139	Lương Nữ Hoài Ni	Mẫu giáo Đăk Wil	65	90	70	72.5	**155**	Đạt
59	112	Phan Thị Lý	Mẫu giáo Ea Pô	55	100	70	70	**155**	Đạt
60	151	Nông Thị Phượng	Mẫu giáo Ea Pô	70	85	90	85	**155**	Đạt
61	72	Nguyễn Thị Hợp	Mẫu giáo Họa Mi	60	95	75	83.5	**155**	Đạt
62	12	Ngô Thị Bích Đào	Mẫu giáo Đắk Drông	55	95	75	Miễn	**150**	Đạt
63	114	Nguyễn Thị Mai	Mẫu giáo Đăk Wil	60	90	90	Miễn	**150**	Đạt
64	196	Phạm Thị Ánh Tuyết	Mẫu giáo Đăk Wil	60	90	85	Miễn	**150**	Đạt
65	7	Nông Thị Thùy Chinh	Mẫu giáo Nam Dong	55	95	85	85	**150**	Đạt
66	39	Bế Thị Thu Hằng	Mẫu giáo Trúc Sơn	60	90	80	70	**150**	Đạt
67	117	Nguyễn Thị Trà My	Mẫu giáo Họa Mi	65	80	95	Miễn	**145**	Đạt
68	93	Đặng Thu Huyền	Mẫu giáo Nam Dong	80	100	50	72.5	**180**	Không đạt
69	13	Mai Thị Diệp	Mẫu giáo Nam Dong	75	95	50	87.5	**170**	Không đạt
70	89	Nguyễn Thị Hường	Mẫu giáo Tâm Thắng	65	100	45	Miễn	**165**	Không đạt
71	79	Trịnh Thị Huệ	Mẫu giáo Đăk Wil	60	100	50	80	**160**	Không đạt
72	11	Vi Thị Kim Cúc	Mẫu giáo Nam Dong	65	95	50	57.5	**160**	Không đạt
73	23	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Mẫu giáo Họa Mi	55	100	45	Miễn	**155**	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên	Đơn vị công tác	Điểm thi các môn				Tổng điểm môn KTC và CN	Kết quả
				Kiến thức chung	Chuyên ngành	Tin học	Tiếng anh		
74	1	Nguyễn Thị Kim Anh	Mẫu giáo Cư Knia	50	95	55	Miễn	**145**	Không đạt
75	3	Hoàng Thúy Biên	Mẫu giáo Cư Knia	45	95	65	90	**140**	Không đạt
76	100	Phan Ngọc Lan	Mẫu giáo Nam Dong	45	95	75	85	**140**	Không đạt
77	202	Trần Thị Vân	Mẫu giáo Trúc Sơn	40	100	85	Miễn	**140**	Không đạt
78	181	Lã Thị Thanh Thủy	Mẫu giáo Cư Knia	40	90	75	Miễn	**130**	Không đạt

PHỤ LỤC 03
KẾT QUẢ THI THĂNG HẠNG GIÁO VIÊN TIỂU HỌC
TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II

(Kèm theo Quyết định số: 561/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của UBND huyện)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Đơn vị công tác	Điểm thi các môn				Tổng điểm môn KTC và CN	Kết quả
				Kiến thức chung	Chuyên ngành	Tin học	Tiếng anh		
1	195	Phan Thị Ánh Tuyết	TH Y Jút	96	95	90	Miễn	**191**	Đạt
2	40	Đào Thị Hạnh	TH Tô Hiệu	96	90	80	Miễn	**186**	Đạt
3	55	Trần Văn Hiếu	TH Tô Hiệu	96	90	85	Miễn	**186**	Đạt
4	208	Nguyễn Thị Hồng Yến	TH Nguyễn Đình Chiểu	88	90	85	95	**178**	Đạt
5	177	Trần Thị Thanh Thúy	TH Trần Phú	88	90	75	Miễn	**178**	Đạt
6	191	Chu Văn Tùng	TH Vừ A Dính	88	90	100	Miễn	**178**	Đạt
7	154	Nguyễn Thị Sâm	TH Lý Tự Trọng	76	100	75	Miễn	**176**	Đạt
8	145	Đặng Thúy Phương	TH Lương Thế Vinh	76	90	90	80	**166**	Đạt
9	77	Lê Thị Thúy Huệ	TH Nguyễn Huệ	76	90	75	Miễn	**166**	Đạt
10	164	Võ Thị Phương Thảo	TH Lê Hồng Phong	100	65	85	77.5	**165**	Đạt
11	124	Nguyễn Thị Mai Ngân	TH Nguyễn Đình Chiểu	76	85	65	85	**161**	Đạt
12	157	Dương Thị Tám	TH Lý Tự Trọng	80	80	75	57.5	**160**	Đạt
13	135	Trần Kiên Nhẫn	TH Nguyễn Huệ	60	100	85	65	**160**	Đạt
14	31	Nguyễn Thị Tuyết Hà	TH Nguyễn Đình Chiểu	64	95	85	Miễn	**159**	Đạt
15	98	Lê Thị Hương Lan	TH Lý Tự Trọng	68	90	80	Miễn	**158**	Đạt
16	205	Trần Thị Xuân	TH Lê Hồng Phong	80	75	90	85	**155**	Đạt
17	10	La Thị Cúc	TH Vừ A Dính	60	65	95	62.5	**125**	Đạt
18	51	Lê Thị Minh Hiền	TH Lý Tự Trọng	52	90	80	67.5	**142**	Không đạt

PHỤ LỤC 04
KẾT QUẢ THI THĂNG HẠNG GIÁO VIÊN TIỂU HỌC
TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III

(Kèm theo Quyết định số: 561 /QĐ-UBND ngày 29 /3/2019 của UBND huyện)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Đơn vị công tác	Điểm thi các môn				Tổng điểm môn KTC và CN	Kết quả
				Kiến thức chung	Chuyên ngành	Tin học	Tiếng anh		
1	61	Nguyễn Thị Hoàn	TH Hùng Vương	100	95	75	80	**195**	Đạt
2	122	Lương Thị Thanh Nga	TH Hùng Vương	95	100	70	90	**195**	Đạt
3	44	H'Duyn Hra	TH Tô Hiệu	100	95	75	Miễn	**195**	Đạt
4	111	Tô Thị Hồng Ly	TH Chu Văn An	90	100	65	Miễn	**190**	Đạt
5	65	Đặng Thị Hồng	TH Nguyễn Bá Ngọc	95	95	80	Miễn	**190**	Đạt
6	127	Trần Thị Nghiệp	TH Tô Hiệu	95	95	80	Miễn	**190**	Đạt
7	5	Nguyễn Thị Bình	TH Hà Huy Tập	95	90	70	Miễn	**185**	Đạt
8	63	Trịnh Thị Hợi	TH Hùng Vương	90	95	80	85	**185**	Đạt
9	108	Lại Đức Luân	TH Hùng Vương	90	95	70	87.5	**185**	Đạt
10	49	Trương Thị Thu Hiền	TH Lương Thế Vinh	95	90	85	87.5	**185**	Đạt
11	67	Nông Thị Hồng	TH Tô Hiệu	90	95	60	Miễn	**185**	Đạt
12	78	Ma Thị Huệ	TH Tô Hiệu	90	95	90	Miễn	**185**	Đạt
13	52	Nguyễn Thị Hiền	TH Trần Phú	95	90	85	72.5	**185**	Đạt
14	163	Lê Thị Thanh Thảo	TH Chu Văn An	80	100	70	Miễn	**180**	Đạt
15	147	Trương Thị Bích Phượng	TH Hùng Vương	85	95	80	85	**180**	Đạt
16	156	Nguyễn Thị Tuyết Sương	TH Hùng Vương	95	85	70	87.5	**180**	Đạt
17	167	Đậu Thị Thu Thoa	TH Hùng Vương	90	85	75	95	**175**	Đạt
18	123	Nguyễn Thị Tố Nga	TH Lê Quý Đôn	80	95	70	77.5	**175**	Đạt
19	64	Trần Thị Hồng	TH Lý Tự Trọng	75	100	90	Miễn	**175**	Đạt
20	59	Nguyễn Thị Khánh Hòa	TH Nguyễn Huệ	80	95	95	Miễn	**175**	Đạt
21	91	Nguyễn Thị Huyền	TH Nguyễn Huệ	75	100	60	Miễn	**175**	Đạt
22	105	Nguyễn Thị Bích Liên	TH Nguyễn Huệ	75	100	95	87.5	**175**	Đạt
23	159	Trần Thị Thái	TH Chu Văn An	80	90	80	Miễn	**170**	Đạt
24	171	Hồ Thị Thu	TH Lương Thế Vinh	80	90	85	82.5	**170**	Đạt
25	83	Lê Thị Thu Hương	TH Lý Tự Trọng	75	95	90	Miễn	**170**	Đạt
26	126	Lê Thị Nghị	TH Nguyễn Du	75	95	75	87.5	**170**	Đạt
27	152	Hồ Thị Quý	TH Hùng Vương	75	90	70	87.5	**165**	Đạt
28	168	Cao Thị Kim Thoa	TH Hùng Vương	80	85	75	90	**165**	Đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên	Đơn vị công tác	Điểm thi các môn				Tổng điểm môn KTC và CN	Kết quả
				Kiến thức chung	Chuyên ngành	Tin học	Tiếng anh		
29	36	Vũ Thị Thúy Hằng	TH Lương Thế Vinh	75	90	75	Miễn	**165**	Đạt
30	148	Hứa Ngọc Thị Phượng	TH Ngô Quyền	70	95	60	87.5	**165**	Đạt
31	29	Bùi Thị Hà	TH Hùng Vương	70	95	85	80	**165**	Đạt
32	182	Bùi Thị Tình	TH Hùng Vương	80	80	70	87.5	**160**	Đạt
33	81	Văn Công Minh Hùng	TH Lê Hồng Phong	60	100	55	Miễn	**160**	Đạt
34	158	Nguyễn Thị Thanh Tâm	TH Lê Hồng Phong	65	95	65	80	**160**	Đạt
35	35	Lê Thị Hải	TH Lê Quý Đôn	65	95	80	87.5	**160**	Đạt
36	76	Lê Thị Huệ	TH Ngô Quyền	60	100	95	Miễn	**160**	Đạt
37	165	Trần Thị Thu Thảo	TH Ngô Quyền	70	90	70	87.5	**160**	Đạt
38	30	Nguyễn Thị Hà	TH Nguyễn Đình Chiểu	75	85	85	80	**160**	Đạt
39	128	Nguyễn Thị Ngọc	TH Tô Hiệu	65	95	80	Miễn	**160**	Đạt
40	179	La Thị Thủy	TH Tô Hiệu	70	90	75	Miễn	**160**	Đạt
41	18	Đinh Văn Đới	TH Trần Quốc Toản	65	95	70	Miễn	**160**	Đạt
42	180	Dương Thị Thủy	TH Trần Quốc Toản	75	85	85	85	**160**	Đạt
43	207	Nguyễn Thị Kim Xuyến	TH Kim Đồng	65	90	85	Miễn	**155**	Đạt
44	96	Lục Thị Kiệm	TH Lê Lợi	55	100	75	Miễn	**155**	Đạt
45	113	Nguyễn Thị Mai	TH Lê Lợi	55	100	70	Miễn	**155**	Đạt
46	14	Dương Quốc Điệp	TH Lương Thế Vinh	60	95	Miễn	Miễn	**155**	Đạt
47	75	Võ Thị Khánh Huệ	TH Lương Thế Vinh	65	90	55	Miễn	**155**	Đạt
48	66	Trần Thị Hồng	TH Nguyễn Bá Ngọc	60	95	90	Miễn	**155**	Đạt
49	50	Nguyễn Thị Mai Trang	TH Nguyễn Huệ	60	95	80	62.5	**155**	Đạt
50	68	Bùi Thị Ánh Hồng	TH Vừ A Dính	60	95	95	Miễn	**155**	Đạt
51	133	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	TH Y Jút	70	85	75	Miễn	**155**	Đạt
52	8	Lê Thị Công	TH Hà Huy Tập	55	95	80	Miễn	**150**	Đạt
53	26	Vũ Thị Giang	TH Lê Quý Đôn	55	95	60	70	**150**	Đạt
54	197	Dương Thị Bạch Út	TH Ngô Quyền	65	85	85	87.5	**150**	Đạt
55	193	Nguyễn Thị Hồng Tuyến	TH Nguyễn Bá Ngọc	65	85	85	Miễn	**150**	Đạt
56	190	Di Văn Tuấn	TH Vừ A Dính	75	75	80	Miễn	**150**	Đạt
57	200	Nông Thị Vân	TH Vừ A Dính	70	80	80	Miễn	**150**	Đạt
58	194	Đàm Thị Thanh Tuyền	TH Nguyễn Du	70	75	75	90	**145**	Đạt
59	58	Đậu Thị Hoa	TH Hà Huy Tập	60	85	80	Miễn	**145**	Đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên	Đơn vị công tác	Điểm thi các môn				Tổng điểm môn KTC và CN	Kết quả
				Kiến thức chung	Chuyên ngành	Tin học	Tiếng anh		
60	206	Hoàng Thị Ái Xuân	TH Trần Phú	65	80	85	77.5	**145**	Đạt
61	198	Đoàn Thị Uyên	TH Trần Quốc Toản	65	80	90	90	**145**	Đạt
62	187	Phạm Khắc Trọng	TH Vừ A Dính	75	70	95	Miễn	**145**	Đạt
63	146	Ca Hoài Phương	TH Nguyễn Huệ	55	85	75	80	**140**	Đạt
64	6	Phạm Văn Cảm	TH Kim Đồng	55	80	95	80	**135**	Đạt
65	199	Lê Thị Uyên	TH Y Jút	70	70	85	Miễn	**140**	Đạt
66	185	Đoàn Thị Trang	TH Vừ A Dính	70	60	70	62.5	**130**	Đạt
67	4	Nguyễn Văn Bình	TH Chu Văn An	55	70	75	Miễn	**125**	Đạt
68	20	Lê Thị Hà Đông	TH Trần Quốc Toản	45	95	60	Miễn	**140**	Không đạt
69	16	Tống Thị Diệu	TH Hà Huy Tập	45	90	60	Miễn	**135**	Không đạt
70	170	Nguyễn Thị Ngọc Thu	TH Lê Quý Đôn	50	85	65	70	**135**	Không đạt
71	9	Đào Thị Cúc	TH Ngô Quyền	55	80	50	62.5	**135**	Không đạt
72	166	Vương Thị Thiệp	TH Tô Hiệu	50	85	80	Miễn	**135**	Không đạt

PHỤ LỤC 05
KẾT QUẢ THI THĂNG HẠNG GIÁO VIÊN THCS
TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II

(Kèm theo Quyết định số: 561 /QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của UBND huyện)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Đơn vị công tác	Điểm thi các môn				Tổng điểm môn KTC và CN	Kết quả
				Kiến thức chung	Chuyên ngành	Tin học	Tiếng anh		
1	48	Phan Thị Hiền	THCS Phan Đình Phùng	100	100	75	Miễn	**200**	Đạt
2	17	Vũ Thị Dinh	THCS Nguyễn Trãi	96	100	75	90	**196**	Đạt
3	188	Nguyễn Mai Trung	THCS Nguyễn Công Trứ	92	100	90	Miễn	**192**	Đạt
4	121	Nguyễn Thuỳ Linh Nga	THCS Phan Đình Phùng	92	100	70	Miễn	**192**	Đạt
5	162	Bùi Thị Thảo	THCS Cao Bá Quát	96	95	90	85	**191**	Đạt
6	22	Hà Thị Duyên	THCS Nguyễn Chí Thanh	84	100	55	Miễn	**184**	Đạt
7	174	La Nông Thuận	THCS Hoàng Văn Thụ	84	100	75	Miễn	**184**	Đạt
8	176	Nguyễn Thị Thuỷ	THCS Cao Bá Quát	88	95	85	Miễn	**183**	Đạt
9	46	Nguyễn Thị Hiền	THCS Cao Bá Quát	80	100	70	Miễn	**180**	Đạt
10	80	Ngô Hạnh Hùng	THCS Phạm Hồng Thái	76	100	75	Miễn	**176**	Đạt
11	136	Cao Thị Phương Nhung	THCS Hoàng Văn Thụ	72	100	75	Miễn	**172**	Đạt
12	109	Ma Thị Lựu	THCS Nguyễn Công Trứ	72	100	70	Miễn	**172**	Đạt
13	203	Nguyễn Thị Vi	THCS Nguyễn Chí Thanh	80	90	90	Miễn	**170**	Đạt
14	115	Trần Ngọc Minh	THCS Phạm Hồng Thái	80	90	90	Miễn	**170**	Đạt
15	192	Hà Minh Tuyến	THCS Hoàng Văn Thụ	68	100	85	Miễn	**168**	Đạt
16	103	Giang Thị Lê	THCS Nguyễn Công Trứ	68	100	90	Miễn	**168**	Đạt
17	28	Ngô Thị Việt Hà	THCS Nguyễn Tất Thành	68	100	90	87.5	**168**	Đạt
18	90	Ngô Thị Huyền	THCS Nguyễn Tất Thành	68	100	95	Miễn	**168**	Đạt
19	144	Trần Trọng Oánh	THCS Võ Thị Sáu	68	100	80	Miễn	**168**	Đạt
20	204	Hoàng Tường Vi	THCS Nguyễn Chí Thanh	96	70	90	Miễn	**166**	Đạt
21	134	Nguyễn Thị Nhân	THCS Phạm Văn Đồng	76	90	60	Miễn	**166**	Đạt
22	74	Nguyễn Thị Huệ	THCS Hoàng Văn Thụ	64	100	90	Miễn	**164**	Đạt
23	82	Vũ Thị Hương	THCS Hoàng Văn Thụ	64	100	85	Miễn	**164**	Đạt
24	120	Phạm Thị Nga	THCS Phan Đình Phùng	96	65	70	Miễn	**161**	Đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên	Đơn vị công tác	Điểm thi các môn				Tổng điểm môn KTC và CN	Kết quả
				Kiến thức chung	Chuyên ngành	Tin học	Tiếng anh		
25	107	Ma Văn Luân	THCS Hoàng Văn Thụ	60	100	75	82.5	**160**	Đạt
26	56	H Nếu KTul	THCS Hoàng Văn Thụ	64	95	90	75	**159**	Đạt
27	189	Nguyễn Xuân Trưởng	THCS Cao Bá Quát	88	70	95	87.5	**158**	Đạt
28	173	Lục Văn Thuận	THCS Hoàng Văn Thụ	68	90	95	Miễn	**158**	Đạt
29	95	Lương Thị Huyện	THCS Võ Thị Sáu	68	85	Miễn	87.5	**153**	Đạt
30	97	Tô Thị Lạc	THCS Nguyễn Công Trứ	56	95	80	Miễn	**151**	Đạt
31	21	Nguyễn Kim Dung	THCS Phạm Văn Đồng	56	90	85	Miễn	**146**	Đạt
32	47	Lê Thị Thanh Hiền	THCS Nguyễn Văn Trỗi	64	75	80	70	**139**	Đạt
34	160	Trần Văn Thắng	THCS Võ Thị Sáu	56	70	70	75	**126**	Đạt
33	140	Huyền Tôn Nữ Bảo Oanh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	76	50	60	Miễn	**126**	Không đạt
35	54	Hà Thị Hiếu	THCS Hoàng Văn Thụ	**Vắng**	**Vắng**	**Vắng**	**Vắng**	**Vắng**	Không đạt